

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **153** /2026/DS-ST

Ngày: 24/7/2026

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Hách

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Cờ

Ông Nguyễn Xuân Phách

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Tuấn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hà Thanh - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 24 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 2792/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2026/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 175/2026/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: [Ngân hàng TMCP N \(V\)](#)

Địa chỉ trụ sở chính: [Số A T, phường H, thành phố Hà Nội](#).

Người đại diện theo pháp luật: Ông [Nguyễn Thanh T](#) - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Pháp nhân đại diện theo uỷ quyền: [Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh H](#)

Địa chỉ trụ sở [chi nhánh](#): đến tầng 5, [số A C, phường Ô, thành phố Hà Nội](#).

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông [Lê Ngọc T1](#) - Chức vụ: Giám đốc (Theo Giấy uỷ quyền số 1053/UQ-VCB-PC ngày 22/8/2024 của Người đại diện theo pháp luật [Ngân hàng TMCP N](#)).

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông [Đâu Hoàng A](#), bà [Nguyễn Thị Thanh T2](#) - [Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh H](#) (Theo Giấy uỷ quyền số 187/UQ-VCBHN-HCNS ngày 18/11/2025 của ông [Lê Ngọc T1](#)); Địa chỉ: [Tầng A đến tầng E, số A C, phường Ô, thành phố Hà Nội](#). (Có mặt ông [Hoàng A](#))

- Bị đơn: Bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#), sinh năm 1982;

CCCD số: 026182002575 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/09/2016.

Nơi ĐKKHKT: [Tổ G, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc \(nay là phường X, tỉnh Phú Thọ\)](#).

Nơi ở hiện tại: P1211 - CT2 Chung cư cao tầng [Nam X, phường H, thành phố Hà Nội](#).

SĐT: 0936.365.558 - 0902.257.882

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2025 và các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của [Ngân hàng TMCP N \(V\)](#) trình bày:

1. Quá trình cấp tín dụng

[Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh H](#) với bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) đã ký Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế [V](#) kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế [V](#) ngày 29/11/2016 theo hình thức Tín chấp. Thông tin cụ thể như sau:

- Loại thẻ phát hành: [V1](#) (số tài khoản thẻ: VP0021300006)
- Tổng hạn mức thẻ được cấp: 150.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng)

- Lãi suất cho vay: lãi suất áp dụng cho chủ thẻ được quy định trong Biểu phí và lãi thẻ tín dụng quốc tế công bố chính thức trên [T4](#) thông tin điện tử chính thức của Ngân hàng (website: [www.V.com.vn](#)) theo từng thời kỳ.

2. Biện pháp bảo đảm

Hình thức: Tín chấp

3. Việc vi phạm nghĩa vụ

Trong khoảng thời gian sau khi phát hành thẻ tín dụng và cho đến kỳ sao kê tháng 01/2019, khách hàng trả nợ bình thường. Từ tháng 02/2019, bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) đã không thanh toán sao kê và phát sinh nợ quá hạn thẻ tín dụng tại [Ngân hàng V - Chi nhánh H](#). Tính đến ngày 23/7/2026, dư nợ thẻ tín dụng VP0021300006 của bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) tại [Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh H](#) là:

- Nợ gốc: 54.441.072 VNĐ

- Nợ lãi: 140.439.314 VNĐ

Tổng cộng: 194.880.386 VNĐ (Một trăm chín mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi nghìn, ba trăm tám mươi sáu đồng).

Khoản nợ của bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) hiện đang được phân loại nợ xếp vào nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn.

Ngân hàng đã cố gắng liên hệ với Khách hàng bằng nhiều hình thức: gọi điện, nhắn tin, gửi thư, đến cơ quan, đến nhà để nhắc nợ ... để yêu cầu bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế [V](#) kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế [V](#) ngày 29/11/2016. Tuy nhiên, tính đến nay bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi quá hạn cho [Ngân hàng V](#), liên tiếp vi

phạm nghĩa vụ đã cam kết với [Ngân hàng V](#), cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của [Ngân hàng V](#) gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của [Ngân hàng V](#). Các thông báo nhắc nợ như sau:

- Ngày 01/07/2019: Ngân hàng gửi thông báo nhắc nợ lần 1 tới bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#)

- Ngày 15/08/2019: Ngân hàng gửi thông báo nhắc nợ lần 2 tới bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#)

- Ngày 06/09/2019: Ngân hàng gửi thông báo nhắc nợ lần 3 tới bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#)

- Ngày 10/12/2019: Ngân hàng gửi thông báo nhắc nợ lần 4 tới bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#)

- Ngày 31/10/2023: Ngân hàng gửi thông báo nhắc nợ lần 5 tới bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#)

- Ngày 28/02/2024: Ngân hàng gửi thông báo nhắc nợ lần 6 tới bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#)

- Ngày 28/05/2024: Ngân hàng gửi thông báo nhắc nợ lần 7 tới bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#)

- Ngày 28/05/2024: Ngân hàng gửi thông báo mời làm việc tới bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#)

Nay [Ngân hàng V](#) thông qua [Ngân hàng V](#) - [Chi nhánh H](#) yêu cầu Tòa án tuyên buộc như sau:

1. Tuyên buộc bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho [Ngân hàng V](#) - [Chi nhánh H](#) toàn bộ số tiền gốc, lãi thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 23/7/2026 (do tiền lãi vẫn tiếp tục phát sinh) là: 194.880.386 VNĐ (Một trăm chín mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi nghìn, ba trăm tám mươi sáu đồng), cụ thể:

- Nợ gốc: 54.441.072 VNĐ

- Nợ lãi: 140.439.314 VNĐ

2. Tuyên buộc bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế [V](#) kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế [V](#) ngày 29/11/2016 kể từ ngày 24/7/2026 cho đến ngày thực tế bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) trả hết nợ gốc cho [Ngân hàng V](#).

3. [T5](#) nếu bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì [Ngân hàng V](#) thông qua [Ngân hàng V](#) - [Chi nhánh H](#) có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu sử dụng của bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Ngoài các yêu cầu trên, [Ngân hàng V](#) không còn yêu cầu gì khác.

Trong quá trình tiến hành giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) biết Tòa án đã thụ lý vụ án “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” do [Ngân hàng V](#) khởi kiện đối với bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) và triệu tập bà [T3](#) đến Tòa để giải

quyết vụ án, tuy nhiên bà [T3](#) không đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án không thể tiến hành việc đối chất, kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện [Ngân hàng V](#) vẫn giữ nguyên yêu cầu và đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội buộc bà [Nguyễn Thị Tuyết Thanh T6](#) cho [Ngân hàng](#) số tiền tạm tính đến ngày 23/7/2026 (do tiền lãi vẫn đang tiếp tục phát sinh) là: 194.880.386 VNĐ (Một trăm chín mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi nghìn, ba trăm tám mươi sáu đồng), trong đó, Nợ gốc: 54.441.072 VNĐ; Nợ lãi: 140.439.314 VNĐ.

Tại phiên tòa bị đơn bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội nhận định, đánh giá tính hợp pháp của Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/11/2016 giữa [Ngân hàng V](#) và bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của [Ngân hàng V](#), buộc bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) có trách nhiệm thanh toán trả cho [Ngân hàng V](#) toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 23/07/2026 là: 194.880.386 VNĐ (Một trăm chín mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi nghìn, ba trăm tám mươi sáu đồng), trong đó, Nợ gốc: 54.441.072 VNĐ; Nợ lãi: 140.439.314 VNĐ và lãi suất phát sinh từ ngày 24/7/2026 cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng. Chấp nhận yêu cầu của [Ngân hàng V](#) nếu bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì [Ngân hàng V](#) có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu sử dụng của bà [T3](#) để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. zBà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà [T3](#) không

lên Tòa án thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, bà [T3](#) vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên theo thủ tục chung.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án dân sự này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại khoản 10.2 Điều 10 bản Các Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế kèm theo Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/11/2016 giữa [Ngân hàng V](#) và bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) có quy định: “*Nếu có bất cứ tranh chấp nào phát sinh trong quá trình thực hiện, trước hết các bên sẽ cùng nhau giải quyết thông qua thương lượng. Trường hợp thương lượng không thành thì các bên có quyền đưa vụ tranh chấp đó ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi Ngân hàng có (đặt trụ sở) Chi nhánh ký kết bản “Các Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế” này để giải quyết*”. [Ngân hàng V](#) - [Chi nhánh H](#) có địa chỉ trụ sở tại tầng 1 đến tầng 5, [số A C, phường Ô, thành phố Hà Nội](#) nên căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội.

[2]. Về nội dung:

Xét Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế [V](#) kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế [V](#) ngày 29/11/2016 giữa [Ngân hàng V](#) và bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) đáp ứng đủ điều kiện của chủ thể ký kết hợp đồng và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên là hợp đồng hợp pháp, có giá trị pháp lý.

[2.1]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc: 54.441.072 VNĐ (Năm mươi bốn triệu, bốn trăm bốn mươi một nghìn, không trăm bảy mươi hai đồng) của [Ngân hàng V](#) đối với bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#), Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/11/2016, [Ngân hàng V](#) đã chấp nhận phát hành cho bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) 01 thẻ tín dụng quốc tế với tổng hạn mức tín dụng là: 150.000.000 VNĐ. Sau khi được phát hành thẻ tín dụng, bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) trả nợ bình thường cho đến tháng 2/2019. Tính đến nay, bà [T3](#) còn nợ [Ngân hàng V](#) 54.441.072 VNĐ tiền nợ gốc. Do vậy, căn cứ vào Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/11/2016 và bảng kê tính gốc, lãi thẻ tín dụng của bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) với [Ngân hàng V](#) đủ cơ sở xác nhận bà [T3](#) còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 54.441.072 VNĐ. Việc [Ngân hàng V](#) đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền nợ gốc nêu trên là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Xét yêu cầu thanh toán tiền lãi của [Ngân hàng V2](#) đối với bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) kể từ khi vi phạm tạm tính đến ngày 23/7/2026 là: 140.439.314 VNĐ

(Một trăm bốn mươi triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn, ba trăm mười bốn đồng), Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ khoản 5.2 Điều 5 về lãi và phí của các giao dịch sử dụng thẻ, khi đến hạn thanh toán, nếu Chủ thẻ không thanh toán hay chỉ thanh toán một phần dư nợ cuối kỳ, Ngân hàng sẽ tính lãi tất cả các giao dịch kể từ ngày các giao dịch được cập nhật vào hệ thống quản lý Thẻ của Ngân hàng đến ngày Chủ thẻ trả nợ, các giao dịch còn lại chưa thanh toán sẽ tiếp tục được tính lãi cho đến khi được thanh toán và sẽ được thể hiện trên kỳ sao kê tiếp theo. Từ tháng 02/2019, bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) đã không thanh toán sao kê dẫn đến phát sinh nợ quá hạn thẻ tín dụng tại [Ngân hàng V](#) nên bà [T3](#) phải chịu lãi suất đối với dư nợ gốc chưa thanh toán. Theo quy định của [V](#), lãi suất áp dụng cho chủ thẻ được quy định trong Biểu phí và lãi thẻ tín dụng quốc tế theo từng thời kỳ. [Ngân hàng V](#) đã cung cấp bảng kê tính gốc, lãi thẻ tín dụng; biểu phí và lãi thẻ tín dụng quốc tế, tổng số tiền nợ lãi của bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Tính đến ngày 23/7/2026, bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) phải chịu số nợ lãi là: 140.439.314 VNĐ. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định số 1627/QĐ-NHNN, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của [Ngân hàng V](#) và buộc bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) phải thanh toán trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền lãi thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 23/7/2026 là: 140.439.314 VNĐ.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) phải thanh toán cho [Ngân hàng V](#) tính đến ngày 23/7/2026 là: 194.880.386 VNĐ (Một trăm chín mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi nghìn, ba trăm tám mươi sáu đồng), trong đó, Nợ gốc: 54.441.072 VNĐ; Nợ lãi: 140.439.314 VNĐ. Ngoài ra, bà [T3](#) còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/11/2016 kể từ ngày 24/7/2026 cho đến ngày thực tế bà [T3](#) trả hết nợ gốc cho [Ngân hàng V](#).

[2.3]. Xét yêu cầu nếu bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì [Ngân hàng V](#) thông qua [Ngân hàng V](#) - [Chi nhánh H](#) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu sử dụng của bà [T3](#) để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo điểm g khoản 3.1 Điều 3 bản Các Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, hai bên thỏa thuận: “*Trường hợp Chủ thẻ không thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng theo quy định, Ngân hàng được quyền thu nợ từ tài sản bảo đảm hoặc bên bảo lãnh hoặc bất cứ tài sản nào khác của Chủ thẻ mà không cần có sự đồng ý bằng chữ ký hay dấu xác nhận của Chủ thẻ. Nếu Ngân hàng thu nợ từ tài khoản tiền gửi hoặc sổ tiết kiệm của Chủ thẻ để thanh toán các khoản nợ*

phát sinh thì tài khoản hoặc sổ tiết kiệm đó được coi là không kỳ hạn. Ngân hàng được miễn trách nhiệm về việc thay đổi kỳ hạn tiền gửi của Chủ thẻ”. Quá trình ký kết và thực hiện Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/11/2016 giữa [Ngân hàng V](#) và bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#), Ngân hàng đã chấp nhận phát hành thẻ cho bà [T3](#) theo hình thức tín chấp, không có bảo đảm. Do đó, yêu cầu của [Ngân hàng V](#) đề nghị Toà án tuyên nếu bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật thì [Ngân hàng V](#) thông qua [Ngân hàng V](#) - [Chi nhánh H](#) có quyền yêu cầu cơ quan thu hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu sử dụng của bà [T3](#) để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí: [Ngân hàng V](#) được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án dân sự sơ thẩm. Bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 90, Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 210 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của [Ngân hàng V](#) đối với bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) về việc thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi theo Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/11/2016.

Xác nhận bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho [Ngân hàng V](#) toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 23/7/2026 là: 194.880.386 VNĐ, trong đó, Nợ gốc: 54.441.072 VNĐ; Nợ lãi: 140.439.314 VNĐ.

Buộc bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) phải thanh toán cho [Ngân hàng V](#) toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi là: 194.880.386 VNĐ (Một trăm chín mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi nghìn, ba trăm tám mươi sáu đồng).

[2]. Bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/11/2016 kể từ ngày 24/7/2026 cho đến ngày thực tế bà [T3](#) trả hết nợ gốc cho [Ngân hàng V](#). Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3]. Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì [Ngân hàng V](#) thông qua [Ngân hàng V - Chi nhánh H](#) có quyền yêu cầu cơ quan thu hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu sử dụng của bà [T3](#) để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí: [Ngân hàng V](#) được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả [Ngân hàng V](#) số tiền 6.229.260 đồng (Sáu triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm sáu mươi đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017617 ngày 25/11/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - Hà Nội.

Bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) phải chịu 9.744.019 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện của nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn [Ngân hàng V](#) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà [Nguyễn Thị Tuyết T3](#) vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 4, Điều 34 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Khu vực 2 - Hà Nội;
- THADS Khu vực 2 - Hà Nội;
- TAND TP. Hà Nội;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Công Hách

TAND KHU VỰC 2



WFM240726.TL.QDBA
2820

